

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 129/2019/HS-PT

Ngày: 30-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trãi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 94/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo **K**.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Bị cáo có kháng cáo:

K, sinh ngày 08-6-2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông T, sinh năm 1981 (còn sống) và bà H, sinh năm 1980 (còn sống); Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con lớn trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 05-10-2018 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tạm giữ: Ngày 07-11-2018; Tạm giam: Ngày 16-11-2018; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Ngoài ra bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 02-11-2018, P (sinh ngày 08-8-2003, ngụ khóm M, thị trấn M và K đi trộm thì K đồng ý. Đến 22 giờ cùng ngày, cả hai đi bộ tìm tài sản để trộm. Khi đi đến trước nhà anh Lê Minh D, K thấy anh Phạm Thanh T đang ngủ trên võng để giữ vật liệu xây dựng tại hiên nhà, bên cạnh có 01 cái ba lô màu đen để dưới ghế đá cách cửa nhà 1,7m nên chỉ T. K đứng ngoài cảnh giới, T lén lút tiếp cận lấy ba lô đưa cho K rồi cùng nhau tẩu thoát. Sau khi lấy được tài sản, cả hai đi đến khu vực vắng cách đó khoảng 500m lục lấy 01 cái laptop hiệu Lenovo màu đen, 7.000.000 đồng (gồm 14 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng) và ném bỏ ba lô lại bụi rậm gần đó, bên trong còn có một số giấy tờ tùy thân của anh T. Sau đó, K chia cho T 600.000 đồng, số tài sản còn lại K cất giữ. Ngày 06-11-2018, K mang Laptop đến quán giải khát của Triệu Gia Bảo (ngụ khóm Mỹ Phú Cù Lao, TT. Mỹ Thọ) để chơi game và bỏ Laptop lại quán để sạc pin. Ngày 07-11-2018, Công an huyện C tiến hành bắt khẩn cấp đối với K, thu giữ trên người K 266.000 đồng (đây là số tiền còn lại từ số tiền K, T lấy trộm của anh T sau khi tiêu xài cá nhân).

Ngày 06-11-2018, Triệu Gia Bảo đã giao nộp Laptop Lenovo màu đen cho Cơ quan điều tra. Ngày 19-11-2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tiến hành định giá và kết luận: Laptop màu đen hiệu Lenovo G40-30 đã qua sử dụng giá 2.800.000 đồng.

Đối với ba lô màu đen và một số giấy tờ tùy thân bị mất có giá trị không lớn, bị hại không yêu cầu định giá, bồi thường.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn Tùng là cha ruột của K đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại 6.000.000 đồng, ông Tùng không có yêu cầu gì đối với số tiền này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C cũng đã trao trả cho anh T Laptop Lenovo màu đen và 266.000 đồng đã thu giữ được, anh T không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Cáo trạng số 03/CT-VKSHCL ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo K từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HSST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

- Tuyên bố: Bị cáo **K** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/11/2018.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, bị cáo K có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1,2, Điều 51 Bộ luật hình sự xử bị cáo 01 năm tù là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo trình bày: Bị cáo không bào chữa mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 02/11/2018 bị cáo cùng với P lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên đã lên

lút lấy trộm 01 ba lô màu đen, bên trong có 01 cái Laptop hiệu Lenovo màu đen trị giá 2.800.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng của anh Phạm Thanh T. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã vi phạm về tội “Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình gây ra.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo K.

2. Giữ nguyên Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

- Tuyên bố: Bị cáo **K** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo K 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/11/2018.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện C;
- Chi cục thi hành án huyện C;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện C;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Trãi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Hồng Nước